

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố : **Bệnh viện Phổi Trung ương**
Giấy phép hoạt động động số : **220/BYT-GPHĐ cấp ngày 05/3/2014.**
Địa chỉ : **463 Hoàng Hoa Thám, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội.**
Chịu trách nhiệm chuyên môn : **PGS.TS.BS. Nguyễn Viết Nhung.**
Điện thoại liên hệ : **024.383.26249**
Email : **bvptw@bvptw.org**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *Phụ lục 1*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *Phụ lục 1*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *Phụ lục 1*
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *Phụ lục 2*
5. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *Phụ lục 3*
6. Danh sách các khoa/phòng/trung tâm tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa/ phòng/trung tâm: *Phụ lục 4*

Bệnh viện Phổi Trung ương cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT, TTĐT&CĐT.



Nguyễn Viết Nhung

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2021

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN PHỔI TRUNG ƯƠNG
(Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo Công văn số: 2408/BVPTU-TTĐT&CDT, ngày 07 tháng 10 năm 2021)

I. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Y khoa	Bệnh học Lao và Bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện và chẩn đoán Lao phổi; - Chẩn đoán lao ngoài phổi; - Điều trị bệnh lao; - Lao trẻ em; - Dự phòng bệnh lao. - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính 	Nhi	1	10	10	30	2	08
						Nội tổng hợp	1	10	10	30	3	07
						Lao hô hấp	1	10	10	30	3	07
						Bệnh phổi mạn tính	1	10	10	30	2	08
						Cấp cứu	1	10	10	30	2	08

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Bệnh học Lao và Bệnh phổi	- Cách khám lâm sàng các thể lao	Nhi	1	10	10	30	2	08
					- Hướng dẫn làm bệnh án lao	Nội tổng hợp	1	10	10	30	3	07
					- Bình bệnh án lao - Đọc phim Xquang lao phổi - Điều trị lao và xử trí các trường hợp nghi lao	Lao hô hấp	1	10	10	30	3	07
3	7720110	Đại học	Y học dự phòng	Bệnh học Lao và Bệnh phổi	- Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Bệnh phổi mạn tính	1	10	10	30	1	09
					- Bệnh bụi phổi - Dự phòng bệnh lao	Bệnh phổi nghề nghiệp	1	10	10	30	1	09
4	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét nghiệm hóa sinh miễn dịch	Các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	Hóa sinh miễn dịch	3	30			3	27
				Xét nghiệm huyết học	- Kỹ thuật xét nghiệm huyết học - Kỹ thuật xét nghiệm hòa hợp truyền máu	Huyết học và Truyền máu	1	10			1	09

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giờ học đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giờ học	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Xét nghiệm vi sinh	Các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh chẩn đoán lao và bệnh phổi	Vi sinh và Labo lao chuẩn Quốc gia	2	20			5	15
				Giải phẫu bệnh	Các kỹ thuật về giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp trong chuyên khoa lao và bệnh phổi	Giải phẫu bệnh	1	10			1	09
5	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh	- Chụp Xquang thường qui; - Chụp cắt lớp vi tính; - Chụp Cộng hưởng từ; - Nút mạch (kiến tập).	Chẩn đoán hình ảnh	2	20			3	17
6	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng hô hấp	- Thăm dò chức năng hô hấp cơ bản - Phục hồi chức năng hô hấp - Một số kỹ thuật thăm dò và phục hồi chức năng hô hấp chuyên sâu	Thăm dò và phục hồi chức năng	3	30	10	30	3	27

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	7720201	Đại học	Dược học	Dược lâm sàng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành Thông tin Thuốc và Dược lâm sàng trong Bệnh viện - Quản lý dược bệnh viện - Quản lý cung ứng thuốc - Pha chế thuốc 	Dược	2	20			1	19
8	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng chuyên ngành lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chuyên khoa lao và bệnh phổi - Kỹ thuật chăm sóc người bệnh - Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh 	Nhi	1	10	5	15	2	08
						Nội tổng hợp	1	10	5	15	3	07
						Hồi sức tích cực	1	10	5	15	3	07
						Trung tâm ghép phổi	1	10	5	15	1	09
						Gây mê hồi sức	2	20	10	30	1	19
						Phòng Điều dưỡng	1	10			1	09
						Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	10			2	08

II. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	62722401	Bác sĩ nội trú	Lao và Bệnh phổi	Bệnh học lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh học lao và cấp cứu; - Các phương pháp thăm dò cơ bản trong lao và bệnh phổi; - Bệnh phổi hay gặp không do lao; - Quản lý, điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng. - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Bệnh bụi phổi 	Hô hấp	1	5	20	60	2	03
						Lao hô hấp	1	5	15	45	3	02
						Huyết học và Truyền máu	1	5			1	04
						Hóa sinh miễn dịch	1	5			2	03
						Trung tâm CNC	1	5	10	30	1	04
						Hồi sức tích cực	1	5	10	30	2	03
						Cấp cứu	1	5	10	30	1	04
						Nội soi chẩn đoán và can thiệp	1	5			1	04
						Trung tâm Điều trị theo yêu cầu CNC	1	5	15	45	2	03

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học / Học phần / Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
						Gây mê hồi sức	1	5	10	30	1	04
2	8720109	Thạc sĩ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh học lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh học lao - Các phương pháp thăm dò cơ bản trong lao và bệnh phổi; - Bệnh phổi không do lao hay gặp; - Quản lý, điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng. - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Bệnh bụi phổi 	Nhi	1	5	10	30	2	03
						Nội tổng hợp	1	5	15	45	2	03
						Lao hô hấp	1	5	20	60	3	02
						Bệnh phổi mạn tính	1	5	15	45	1	04
						Bệnh phổi nghề nghiệp	1	5	15	45	1	04
3	607224	CKI	Lao và Bệnh phổi	Bệnh học lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh học lao và cấp cứu; - Các phương pháp thăm dò cơ bản trong lao và bệnh phổi; - Bệnh phổi hay gặp do lao; - Quản lý, điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng. 	Nhi	1	5	5	15	1	04
						Hồi sức tích cực	1	5	5	15	1	04
						Cấp cứu	1	5	5	15	1	04
						Trung tâm Điều trị theo yêu cầu CNC	1	5	15	45	2	03

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Vi sinh	Các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh chẩn đoán lao và bệnh phổi - AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang - AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen - Nuôi cấy vi khuẩn lao - Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn - Vi sinh lâm sàng cơ bản - MTBQuantiferon - Xpert SARS-CoV-2	Vi sinh và Labo lao chuẩn quốc gia	1	5			2	03
				Nội soi phế quản	- Kỹ thuật Nội soi phế quản ống mềm - Kỹ thuật Nội soi màng phổi ống mềm	Nội soi chẩn đoán và can thiệp	1	5			1	04
				Thăm dò và phục hồi chức năng hô hấp	- Thăm dò chức năng hô hấp cơ bản - Phục hồi chức năng hô hấp cơ bản - Thăm dò chức năng hô hấp chuyên sâu	Thăm dò và phục hồi chức năng	1	5	5	15	2	03

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					- Các kỹ thuật đo chức năng hô hấp chuyên sâu (TLC, DICO, FeNO, kháng lực đường thở Raw, IOS, FOT)							
				Giải phẫu bệnh	- Chẩn đoán mô bệnh và tế bào bệnh một số bệnh thường gặp trong chuyên khoa lao và bệnh phổi	Giải phẫu bệnh	1	5			1	04
				Ngoại khoa	- Một số kỹ thuật mổ nội soi lồng ngực cơ bản - Chẩn đoán và xử trí: Mủ màng phổi; Tràn máu màng phổi; Tràn khí màng phổi.	Phẫu thuật lồng ngực	1	5	15	45	1	04
					- Chẩn đoán và điều trị lao xương khớp - Phẫu thuật cơ bản điều trị lao cột sống - Phẫu thuật cơ bản điều trị lao xương khớp chi dưới	Ngoại tổng hợp	1	5	10	30	1	04

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Ung thư phổi	- Chẩn đoán và điều trị ung thư phế quản không tế bào nhỏ - Chẩn đoán và điều trị ung thư phế quản tế bào nhỏ - Chăm sóc giảm nhẹ bệnh nhân ung thư phế quản giai đoạn cuối	Ung bướu	1	5	20	60	1	04
				Gây mê hồi sức	- Gây mê hồi sức trong phẫu thuật lồng ngực - Điều dưỡng gây mê hồi sức trong phẫu thuật lồng ngực	Gây mê hồi sức	2	10	15	45	2	08
3	8720301	Thạc sĩ	Điều dưỡng	Điều dưỡng định hướng chuyên ngành lao và bệnh phổi	- An toàn NB. - Quy trình chăm sóc NB và GDSK - Kỹ thuật chuyên khoa Lao và Bệnh phổi - Kiểm soát nhiễm khuẩn	Lao hô hấp	1	5	15	45	1	04
						Bệnh phổi mạn tính	1	5	10	30	1	04
						Cấp cứu	1	5	10	30	1	04
						Ung bướu	1	5	15	45	02	03
						Trung tâm CNC	1	5	10	30	1	04

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
						Phẫu thuật lồng ngực	1	5	10	30	1	04
						Phòng Điều dưỡng	1	5			1	04
						Nội soi chẩn đoán và can thiệp	1	5			1	04
4	62722401	CK II	Lao và Bệnh phổi	Bệnh học lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp thăm dò nâng cao chẩn đoán bệnh hô hấp; - Bệnh phổi không phổ biến và chiến lược PAL; - Chiến lược DOTS và DOTS-PLUS; - Các vấn đề cập nhật trong chuyên khoa. 	Nhi	1	5	5	15	1	04
						Nội tổng hợp	1	5	10	30	1	04
						Lao hô hấp	1	5	10	45	2	03
						Hô hấp	1	5	15	45	1	04
				Chẩn đoán hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ - Chẩn đoán hình ảnh bằng cộng hưởng từ - Điện quang can thiệp ngực - Sinh thiết phổi/ màng phổi dưới hướng dẫn cắt 	Chẩn đoán hình ảnh	1	5			2	03

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					<ul style="list-style-type: none"> lớp vi tính - Điều trị đột u phổi bằng vi sóng (MWA) - Siêu âm Doppler mạch máu 							
				Vi sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi cấy, định danh vi khuẩn lao - Kháng sinh đồ vi khuẩn lao - Mycobacterium tuberculosis đa kháng/siêu kháng LPA - Định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn 	Vi sinh và Labo lao chuẩn quốc gia	1	5			1	04
				Nội soi phế quản	- Các kỹ thuật nội soi phế quản chuyên sâu	Nội soi chẩn đoán và can thiệp	1	5			1	04
				Giải phẫu bệnh	- Kỹ thuật nhuộm hoá mô miễn dịch bằng máy và bằng tay, kỹ thuật nhuộm hoá mô nâng cao	Giải phẫu bệnh	2	10			1	04
				Ngoại khoa	- Ung thư phế quản nguyên phát: chỉ định và kỹ thuật mổ	Phẫu thuật lồng ngực	2	10	10	30	2	03

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					- Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật phẫu thuật mạch máu lồng ngực	Trung tâm ghép phổi	1	5	5	15	1	04
					- Phẫu thuật thay thế trong điều trị lao xương khớp - Phẫu thuật chuyên sâu điều trị các bệnh lý lao cột sống	Ngoại tổng hợp	1	5	10	30	1	04

1: Số thứ tự

2, 3, 4: Mã đào tạo, trình độ, ngành chuyên ngành theo các quy định tại các thông tư và quy định có liên quan (tra theo khối ngành “sức khỏe”):

- Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ LĐTBXH Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục cấp IV trình độ đại học;

- Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quy định về đào tạo chuyên khoa, nội trú của Bộ Y tế.

5: Môn học/học phần/tín chỉ: dựa vào “*chương trình thực hành*” trong “*chương trình đào tạo*” để có được tên môn học/học phần/tín chỉ.

6: Nội dung: Trong trường hợp môn học/học phần ở nhiều khoa khác nhau dựa vào nội dung môn học/học phần/tín chỉ để có được danh sách “*nội dung*” của môn học/học phần và xác định “*nội dung*” nào sẽ học ở “*khoa/đơn vị*” nào?.

7: Tên khoa/đơn vị thực hành: là tên khoa/đơn vị sẽ thực hành môn học/học phần/tín chỉ; Trong trường hợp môn học/học phần ở nhiều khoa/đơn vị khác nhau thì là tên khoa/đơn vị sẽ thực hành “*nội dung*” môn học/học phần/tín chỉ.

8: Số lượng người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị: là số lượng người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu theo Điều 8 Nghị định ở tại khoa phòng/đơn vị mà môn học, nội dung học được giảng dạy thực hành.

9. Số lượng tối đa người học thực hành theo người giảng dạy thực hành: là số lượng người học thực hành tối đa theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 8: Tại cùng một thời điểm, một người giảng dạy thực hành chỉ được giảng dạy không quá

- 05 người học thực hành đối với đào tạo trình độ sau đại học;

- 10 người học thực hành đối với đào tạo trình độ đại học;

- 15 người học thực hành đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp.

10. Số giường/ghế răng tại khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành: là số giường theo kế hoạch của khoa đạt yêu cầu thực hành.

11. Số lượng tối đa người học thực hành theo số giường/ghế răng: là số lượng người học thực hành tối đa theo quy định tại điểm d, khoản Điều 9 Nghị định: Tại cùng một thời điểm, mỗi khoa/đơn vị có không quá 03 người học thực hành trên 01 giường bệnh hoặc 01 ghế răng.

12, 13: là số lượng người học thực hành đang học, số lượng người học thực hành có thể nhận thêm; tổng số người có thể nhận thực hành là: 12+13.

bluyenhcqt.bvp_Mai Quy Duc_14/10/2021 11:10:41 AM

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2021

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI CÁC ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Công văn số: 2403 /BVPTU-TTĐT&CDT, ngày 07 tháng 10 năm 2021)

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
I ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC											
1.1. Đào tạo Y khoa											
1	Nguyễn Thị Hằng	ThS.BS	Lao, Nhi	0017886/ BYT-CCHN; 4503/QĐ-BYT	KCB Lao, Nhi	13	Bệnh học Lao và Bệnh phổi	- Phát hiện và chẩn đoán Lao phổi; - Chẩn đoán lao ngoài phổi; - Điều trị bệnh lao; - Lao trẻ em; - Dự phòng bệnh lao.	Khoa Nhi	10	
2	Nguyễn Hữu Trí	ThS BSCKI	Lao & bệnh phổi	0015152/ BYT-CCHN	KCB L&BP	10		- Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Nội tổng hợp	30	GVKN
3	Nguyễn Mạnh Thế	BSNT	Lao & bệnh phổi, nội khoa	039088/ BYT-CCHN	KCB L&BP	3		Lao hô hấp	30		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
4	Đình Xuân Thắng	Bác sĩ nội trú	Lao và Bệnh phổi	036455/ BYT-CCHN	KCB Nội tổng hợp	3			Bệnh phổi mạn tính	15	
5	Phạm Bá Thanh	BS	Nội khoa	034821/ BYT-CCHN	KCB Lao và bệnh phổi; HSCC	7			Cấp cứu	10	
1.2. Đào tạo Y học cổ truyền											
6	Nguyễn Văn Tuấn	ThS.BS	Lao, Nhi	003562/V P-CCHN	KCB Lao, Nhi	8	Bệnh học Lao và Bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Cách khám lâm sàng các thể lao - Hướng dẫn làm bệnh án lao - Bình bệnh án lao - Đọc phim Xquang lao phổi - Điều trị lao và xử trí các trường hợp nghi lao 	Khoa Nhi	10	
7	Phạm Văn An	BSNT	Lao & bệnh phổi	037083/ BYT-CCHN	KCB L&BP	4			Nội tổng hợp	30	
8	Hoàng Tuấn	BS	Lao & bệnh phổi	0017891/ BYT-CCHN	KCB L&BP	10			Lao hô hấp	30	
1.3. Đào tạo Y học dự phòng											
9	Khổng Thị Thanh Tâm	ThS.BS	Nội khoa	0017762/ BYT-CCHN	KCB Nội tổng hợp	11	Bệnh học Lao và Bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn 	Bệnh phổi mạn tính	15	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
10	Hoàng Thị Bích Việt	TS.BS	Nội khoa, hô hấp	0017763/ BYT- CCHN	KCB L&BP, Nội khoa	16	phổi	mạn tính - Bệnh bụi phổi - Dự phòng bệnh lao	Bệnh phổi nghề nghiệp	15	
1.4. Đào tạo cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học											
11	Lê Thị Nguyệt	KTV	Xét nghiệm vi sinh	0017823/ BYT- CCHN	Xét nghiệm vi sinh	13	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh chẩn đoán lao và bệnh phổi	VS và Labo Lao chuẩn QG		
12	Nguyễn Thị Hoa	BSNT	Xét nghiệm vi sinh	037801/ BYT- CCHN	Xét nghiệm vi sinh	04			VS và Labo Lao chuẩn QG		
13	Nguyễn Thị Thùy Linh	BS	Xét nghiệm Hóa sinh	040510/ BYT- CCHN	Xét nghiệm Hóa sinh	5		Các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	Hóa sinh miễn dịch		
14	Lại Thị Tô Uyên	ThS.BS	Xét nghiệm Hóa sinh	0017879/ BYT- CCHN	Xét nghiệm Hóa sinh	13			Hóa sinh miễn dịch		
15	Nguyễn Văn Thanh	ThS. KTV	Xét nghiệm y học	002550/ BYT- CCHN	Xét nghiệm Hóa sinh	13			Hóa sinh miễn dịch		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
16	Phạm Thị Vương	ThS.BS	Huyết học truyền máu	0015140/ BYT- CCHN	Xét nghiệm Huyết học	13		- Kỹ thuật xét nghiệm huyết học - Kỹ thuật xét nghiệm hòa hợp truyền máu	Huyết học truyền máu		
17	Nguyễn Văn Duy	ĐH	Xét nghiệm Y học	045707/ BYT- CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	3		- Các kỹ thuật về giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp trong chuyên khoa lao và bệnh phổi	Giải phẫu bệnh		
1.5. Đào tạo cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học											
18	Hoàng Văn Lương	TS. BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh	0015265/ BYT- CCHN	KCB Chẩn đoán hình ảnh	13	Kỹ thuật hình ảnh y học	- Chụp Xquang thường qui. - Chụp cắt lớp vi tính. - Chụp Cộng hưởng từ. - Nút mạch (kiến tập).	Chẩn đoán hình ảnh		
19	Nguyễn Đức Tuấn	CN	Hình ảnh y học	0025858/ BYT- CCHN	KCB Chẩn đoán hình ảnh	28		Chẩn đoán hình ảnh			
1.6. Đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng											
20	Nguyễn Hoàng Đạo	CN	Vật lý trị liệu - PHCN	0017832/ BYT- CCHN	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	17	Kỹ thuật phục hồi chức năng	- Thăm dò chức năng hô hấp cơ bản - Thăm dò chức năng hô hấp chuyên sâu - Các kỹ thuật đo	Thăm dò & PHCN	10	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
21	Đặng Thị Tuyết	ThS.BS	Phục hồi chức năng, Nội khoa	034565/ BYT-CCHN; 5931/QĐ-BYT	KCB Phục hồi chức năng hô hấp; Nội khoa	8		chức năng hô hấp chuyên sâu (TLC, DICO, FeNO, kháng lực đường thở Raw, IOS, FOT)	Thăm dò & PHCN	10	
22	Phạm Đình Tài	ThS.BS	Phục hồi chức năng, Nội khoa	011472/T H-CCHN	KCB Phục hồi chức năng hô hấp, Nội khoa	9			Thăm dò & PHCN	10	
1.7. Đào tạo dược sĩ đại học											
23	Nguyễn Thị Thủy	TS.BS	Dược sĩ	09030/ HNO-CCHND	Dược	16	Dược lâm sàng	- Thực hành Thông tin Thuốc và Dược lâm sàng trong Bệnh viện - Quản lý dược BV - Quản lý cung ứng thuốc - Pha chế thuốc	Dược		
24	Đinh Thu Hương	ThS.DS	Dược sĩ	09030/ HNO-CCHND	Dược	7		Dược			

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1.8. Đào tạo cử nhân Điều dưỡng											
25	Dương Thùy Anh	ĐDCKI	Điều dưỡng	0017856/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	17	Điều dưỡng chuyên ngành lao và bệnh phổi	- Kỹ thuật chuyên khoa lao và bệnh phổi - Kỹ thuật chăm sóc người bệnh - Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh	Nhi	10	
26	Nguyễn Thị Yên	ĐDCKI	Điều dưỡng	0015193/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	16			Nội tổng hợp	30	
27	Bùi Xuân Chinh	CNĐD	Điều dưỡng	0017791/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	9			Hồi sức tích cực	20	
28	Vũ Mai Lan	ĐDCKI	Điều dưỡng	0015185/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	15			TT Ghép phổi	15	
29	Nguyễn Thị Minh Phương	ĐDCKI	Điều dưỡng	0015237/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	18			Gây mê hồi sức	15	
30	Nguyễn Thị Thúy	CNĐD	Điều dưỡng	0017790/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	11			Phòng Điều dưỡng		
31	Hoàng Thăng Tùng	CNĐD	Điều dưỡng	0015273/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	12			Kiểm soát nhiễm khuẩn		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
32	Nguyễn Tiến Dũng	CN ĐD	Điều dưỡng	0015245/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	20			Gây mê hồi sức	15	
II ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC											
2.1. Đào tạo bác sĩ nội trú											
33	Vũ Văn Nguyên	BSCKII	Nội khoa	002227/ BYT- CCHN	KCB Nội khoa	17	Bệnh học lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh học lao và cấp cứu; - Các phương pháp thăm dò cơ bản trong lao và bệnh phổi; - Bệnh phổi hay gặp không do lao; - Quản lý, điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng. - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Bệnh bụi phổi 	Hô hấp	30	
34	Nguyễn Thu Thủy	BSCKII	Lao & bệnh phổi	0015168/ BYT- CCHN	KCB L&BP	26			Lao hô hấp	30	GVKN
35	Võ Trọng Thành	TS.BS	Huyết học và truyền máu	0015157/ BYT- CCHN	Xét nghiệm Huyết học	25			Huyết học truyền máu		
36	Nguyễn Thanh Hà	BSCKII	Xét nghiệm Hóa sinh	0015159/ BYT- CCHN	Xét nghiệm Hóa sinh	20			Hóa sinh miễn dịch		
37	Vũ Khắc Đại	TS.BS	Lao & Bệnh phổi	0017907/ BYT- CCHN	Chuyên khoa Nội soi	15			Nội soi chẩn đoán & CT		
38	Lê Tuấn Long	BSNT	Lao, Nội	039084/ BYT-	KCB nội khoa	3			Hồi sức tích cực	20	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
			khoa	CCHN							
39	Dương Hữu Hiếu	BSNT	Lao	041512/BYT-CCHN	KCB Nội khoa	2			Cấp cứu	10	
40	Cán Xuân Hạnh	ThS.BS	Ung bướu	032655/BYT-CCHN	KCB Ung bướu	9			Trung tâm Điều trị theo yêu cầu CNC	25	
41	Nguyễn Đức Phương	BCKI	Gây mê Hồi sức	15248/BYT-CCHN	Gây mê hồi sức	17			Gây mê hồi sức	15	
2.2. Đào tạo Thạc sĩ chuyên khoa Lao và Bệnh phổi											
42	Nguyễn Thị Ngoạn	BCKII	Lao, Nhi	0015148/BYT-CCHN; 4717/QĐ-BYT	KCB Lao, Nhi	17	Bệnh học Lao và Bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh học lao - Các phương pháp thăm dò cơ bản trong lao và bệnh phổi; - Bệnh phổi không do lao hay gặp; - Quản lý, điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng. - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và 	Khoa Nhi	10	GVKN
43	Đào Thị Hà	ThS BCKII	Lao & bệnh phổi	0017871/BYT-CCHN	KCB L&BP	9			Nội tổng hợp	30	GVKN
44	Nguyễn Thu Thủy	BCKII	Lao & bệnh phổi	0015168/BYT-CCHN	KCB L&BP	26			Lao hô hấp	30	GVKN

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
45	Nguyễn Ngọc Hồng	BSCCKII	Đa khoa, Lao và Bệnh phổi	0017792/ BYT-CCHN; 4718/QĐ-BYT	KCB L&BP, Nội khoa	16		bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Bệnh bụi phổi	Bệnh phổi nghề nghiệp	15	GVKN
46	Vũ Văn Thành	ThS.BS	Nội tổng hợp	0015160/ BYT-CCHN	KCB Nội tổng hợp	15		Bệnh phổi mạn tính	15	GVKN	
2.3. Đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng											
47	Lê Thị Thủy	ThS CNDD	Điều dưỡng đa khoa	0017804/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	Điều dưỡng định hướng chuyên ngành lao và bệnh phổi	- An toàn NB. - Quy trình chăm sóc NB và GDSK - Kỹ thuật chuyên khoa Lao và Bệnh phổi - Kiểm soát nhiễm khuẩn	Lao hô hấp	30	
48	Nguyễn Tiến Hiệp	ĐDCKI	Điều dưỡng	0017765/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	16			Bệnh phổi mạn tính	15	
49	Phạm Quang Hải	ThS. CNDD	Điều dưỡng	0017853/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	7			Cấp cứu	10	
50	Hà Thị Mến	ThS. CNDD	Điều dưỡng	029848/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	14			Ung bướu	40	
51	Cao Thị Hồng Hà	ThS. CNDD	Điều dưỡng	0015176/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	11			Phẫu thuật lồng ngực	25	
52	Hoàng Hữu Toàn	ThS.QL	Điều	0025852/	Điều	21			Trung	25	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
		BV. ĐĐCKI	đưỡng	BYT-CCHN	đưỡng				tâm Điều trị theo yêu cầu CNC		
53	Nguyễn Thị Hồng Vân	ThS. CNĐD	Điều dưỡng	029929/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	8			Phòng Điều dưỡng		
54	Nguyễn Mạnh Linh	ĐĐCKI	Điều dưỡng	034847/ BYT-CCHN	Điều dưỡng	4			Nội soi chẩn đoán & CT		
2.4. Đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Lao và Bệnh phổi											
55	Phạm Đình Đồng	BSCCKII	Lao, Nhi	029934/ BYT-CCHN	KCB Lao, Nhi	8	Bệnh học lao và bệnh phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh học lao và cấp cứu; - Các phương pháp thăm dò cơ bản trong lao và bệnh phổi; - Bệnh phổi hay gặp do lao; - Quản lý, điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng. - Hướng dẫn chẩn đoán điều trị hen và bệnh phổi tắc nghẽn 	Khoa Nhi	10	
56	Nguyễn Quang Hòa	ThS.BS	Lao & bệnh phổi, HSCC	0015156/ BYT-CCHN	KCB Lao và bệnh phổi; HSCC	16			Hội sức tích cực	20	GVKN
57	Cung Văn Tấn	Thạc sĩ. BSCCKII	Lao và Bệnh phổi, HSCC	0018385/ BYT-CCHN 5114/QĐ-BYT	KCB Lao và bệnh phổi; HSCC	16			Cấp cứu	10	
58	Hoàng Thủy	ThS.BS	Nội hô	0015143/	KCB	20			Trung	25	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
			hấp	BYT-CCHN	Nội khoa			mạn tính	tâm Điều trị theo yêu cầu CNC		
59	Nguyễn Thị Phương Anh	ThS.BS	Phục hồi chức năng, Nội khoa	0007426/ BYT-CCHN; 5950/QĐ-BYT 4502/QĐ-BYT	KCB Thăm dò và Phục hồi chức năng	16	Thăm dò và phục hồi chức năng hô hấp	<ul style="list-style-type: none"> - Thăm dò chức năng hô hấp cơ bản - Phục hồi chức năng hô hấp cơ bản 	Thăm dò & PHCN	10	GVKN
60	Nguyễn Đức Hạnh	BSCKII	Ung bướu	0015138/ BYT-CCHN	KCB Ung bướu	16	Ung thư phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán và điều trị ung thư phế quản không tế bào nhỏ. - Chẩn đoán và điều trị ung thư phế quản tế bào nhỏ. - Chăm sóc giảm nhẹ bệnh nhân ung thư phế quản giai đoạn cuối 	Ung bướu	40	
61	Nguyễn Sỹ Khánh	BSCKII	Ngoại khoa	0015254/ BYT-CCHN	KCB Ngoại khoa	18	Ngoại khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Một số kỹ thuật mổ nội soi lồng ngực cơ bản - Chẩn đoán và xử trí: 	Phẫu thuật lồng ngực	25	

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
								Mủ màng phổi; - Tràn máu màng phổi; Tràn khí màng phổi.			
62	Đỗ Đăng Hoàn	ThS.BS	Ngoại khoa	0017432/ BYT- CCHN	KCB Ngoại khoa	17		- Chẩn đoán và điều trị lao xương khớp - Phẫu thuật cơ bản điều trị lao cột sống - Phẫu thuật cơ bản điều trị lao xương khớp chi dưới	Ngoại tổng hợp	20	
63	Nguyễn Việt Nghĩa	ThS.BS	Gây mê Hồi sức	033665/ BYT- CCHN	Gây mê hồi sức	21	Gây mê hồi sức	- Gây mê hồi sức trong phẫu thuật lồng ngực	Gây mê hồi sức	15	
64	Nguyễn Thành Long	BSCCKII	Gây mê Hồi sức	0015154/ BYT- CCHN	Gây mê hồi sức	35		- Điều dưỡng gây mê hồi sức trong phẫu thuật lồng ngực	Gây mê hồi sức	25	
65	Nguyễn Lê Nhật Minh	BSCCKII	Lao & Bệnh phổi	0015153/ BYT- CCHN	Chuyên khoa Nội soi	20	Nội soi phế quản	- Kỹ thuật Nội soi phế quản ống mềm - Kỹ thuật Nội soi màng phổi ống mềm	Nội soi chẩn đoán & CT		GVKN
66	Trần Thị Tuấn Anh	ThS.BS	Giải phẫu	029866/B YT-	Giải phẫu	8	Giải phẫu bệnh	Chẩn đoán mô bệnh và tế bào bệnh một số	Giải phẫu bệnh		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
			bệnh, Lao & Bệnh phổi	CCHN	bệnh			bệnh thường gặp trong chuyên khoa lao và bệnh phổi			
67	Đoàn Thu Hà	ThS.BS	Xét nghiệm vi sinh	004571/HNO-CCHN	Xét nghiệm vi sinh	05	Vi sinh	<p>Các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh chẩn đoán lao và bệnh phổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang - AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen - Nuôi cấy vi khuẩn lao - Nuôi cấy, định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn - Vi sinh lâm sàng cơ bản - MTBQuantiferon Xpert SARS-CoV-2 	VS và Labo Lao chuẩn QG		
2.5. Đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Lao và bệnh phổi											
68	Nguyễn Việt Nhung	PGS.TS	Lao & bệnh	015490/BYT-	KCB Lao và	33	Bệnh học lao và	- Các phương pháp thăm dò nâng cao	GĐBV		GVKN

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
			phổi	CCHN	bệnh phổi		bệnh phổi	chẩn đoán bệnh hô hấp; - Bệnh phổi không phổ biến và chiến lược PAL; - Chiến lược DOTS và DOTS-PLUS; Các vấn đề cập nhật trong chuyên khoa.			
69	Hoàng Thanh Vân	TS.BS	Lao, Nhi	0015501/ BYT-CCHN	KCB Lao, Nhi	26			Khoa Nhi	10	GVKN
70	Nguyễn Thu Hà	Tiến sĩ, Bác sĩ	Lao & bệnh phổi	0015137/ BYT-CCHN	KCB Lao và Bệnh phổi	15			Nội tổng hợp	30	
71	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS.BS	Nội khoa, nội hô hấp	0015162/ BYT-CCHN 4430/QĐ-BYT	KCB Nội khoa	20			Hô hấp	50	GVKN
72	Nguyễn Kim Cương	TS.BS	Lao & bệnh phổi	0017860/ BYT-CCHN	KCB L&BP	15			Lao hô hấp	30	
73	Nguyễn Văn Hưng	PGS.TS	Xét nghiệm vi sinh	0015149/ BYT-CCHN	Xét nghiệm vi sinh	33	Vi sinh	- Nuôi cấy, định danh vi khuẩn lao - Kháng sinh đồ vi khuẩn lao - Mycobacterium tuberculosis đa kháng/siêu kháng LPA	Vi sinh và Labo Lao chuẩn QG		GVKN

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
								- Định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn			
74	Cung Văn Công	TS.BS	Chẩn đoán hình ảnh	000431/ BYT- CCHN	KCB Chẩn đoán hình ảnh	29	Chẩn đoán hình ảnh	- Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ - Chẩn đoán hình ảnh bằng cộng hưởng từ - Điện quang can thiệp ngực - Sinh thiết phổi/ màng phổi dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính - Điều trị đốt u phổi bằng vi sóng (MWA) - Siêu âm Doppler mạch máu	Chẩn đoán hình ảnh		GVKN
75	Nguyễn Chi Lăng	PGS.TS BSCKII	Lao & Bệnh phổi	0015495/ BYT- CCHN	Nội và Nội soi	46	Nội soi phế quản	Các kỹ thuật nội soi phế quản chuyên sâu	Nội soi chẩn đoán & CT		
76	Lê Trung Thọ	PGS.TS	Giải phẫu bệnh	004876/ BYT- CCHN	Giải phẫu bệnh	42	Giải phẫu bệnh	Kỹ thuật nhuộm hoá mô miễn dịch bằng máy và bằng tay, kỹ thuật nhuộm hoá mô nâng cao	Giải phẫu bệnh		
77	Dương Minh Phương	BSCKII	Giải phẫu	0025861/ BYT-	Giải phẫu	16			Giải phẫu bệnh		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu TH	Số giờ đạt yêu cầu TH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
			bệnh	CCHN	bệnh						
78	Đình Văn Lương	TS.BS	Ngoại khoa	0020685/ BYT-CCHN	KCB Ngoại khoa	15	Ngoại khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Ung thư phế quản nguyên phát: chỉ định và kỹ thuật mổ - Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật phẫu thuật mạch máu lồng ngực 	TT Ghép phổi	15	GVKN
79	Nguyễn Lê Vinh	BSCKII	Ngoại khoa	005521/ HNO-CCHN	KCB Ngoại khoa	19			Phẫu thuật lồng ngực	25	
80	Khiếu Mạnh Cường	BSCKII	Ngoại khoa	0015271/ BYT-CCHN	KCB Ngoại khoa	17			Phẫu thuật lồng ngực	25	
81	Nguyễn Khắc Tráng	TS.BS	Ngoại khoa	0015151/ BYT-CCHN	KCB Ngoại khoa	30			<ul style="list-style-type: none"> - Phẫu thuật thay thế trong điều trị lao xương khớp - Phẫu thuật chuyên sâu điều trị các bệnh lý lao cột sống 	Ngoại tổng hợp	20

1: Số thứ tự.

2: Họ và tên: dựa vào “*chương trình thực hành*” để xác định họ và tên người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu minh chứng cho cột số 8 tại Phụ lục 1.

3: Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú: Thông tin về bằng cấp chuyên môn, học hàm, học vị... của người hướng dẫn thực hành: GS, PGS, TS, CKI, CK II, BS Nội trú, Bác sĩ, Dược sĩ, cử nhân điều dưỡng, ...

4: Ngành, chuyên ngành người giảng dạy thực hành đã được đào tạo để minh chứng về chuyên môn của người giảng dạy thực hành.

5: Chứng chỉ hành nghề: số chứng chỉ hành nghề của người giảng dạy thực hành đã được cấp.

6: Phạm vi hành nghề: Phạm vi người giảng dạy thực hành hành nghề được ghi trong chứng chỉ hành nghề.

7: Số năm kinh nghiệm khám bệnh chữa bệnh: Số năm người giảng dạy thực hành có kinh nghiệm khám bệnh chữa bệnh ở phạm vi hành nghề đã được cấp CCHN, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 của Nghị định: Đã có đủ thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi có chứng chỉ hành nghề liên tục ở ngành/chuyên ngành giảng dạy thực hành đến thời điểm giảng dạy thực hành ít nhất:

- 36 tháng đối với đào tạo trình độ sau đại học;
- 24 tháng đối với đào tạo trình độ đại học;
- 12 tháng đối với trình độ cao đẳng và trung cấp.

8: Môn học/học phần/tín chỉ: giống cột 5, ở Phụ lục 1.

9: Nội dung môn học: giống cột 6, ở Phụ lục 1.

10: Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành: giống cột 7, ở Phụ lục 1.

11: Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành: giống cột 10, ở Phụ lục 1.

bluyenhcqt.bvp_Mã quy định 46.4

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2021

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, GIƯỜNG BỆNH
TẠI CÁC KHOA LÂM SÀNG, PHÒNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Công văn số: 2409/BVPTU-TTĐT&CDT, ngày 07 tháng 10 năm 2021)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
I	Cơ sở vật chất, Hội trường, Phòng học	
1.	Hội trường có sức chứa 200-300 học viên + Hệ thống máy chiếu	01
2.	Hội trường có sức chứa 40-60 học viên + Hệ thống máy chiếu	03
3.	Phòng học/ Giảng đường (Kèm theo bảng viết, màn chiếu, máy chiếu, laptop...)	11
4.	Thư viện	01
5.	Mô hình giảng dạy thực hành lâm sàng	04
6.	Ký túc xá cho học viên	01
7.	Hành chính giáo vụ - Phòng Giảng viên	01
8.	Giường bệnh các khoa lâm sàng	620
9.	Phòng mổ	10
10.	Phòng mổ ghép phổi	02
II	Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ học thực hành tại các khoa	
1.	Máy XQ Kỹ thuật số trực tiếp	07
2.	Máy Chụp CLVT (từ 2 – 64 dãy)	05
3.	Máy chụp Cộng hưởng từ 1.5 Tesla	01
4.	Máy siêu âm Doppler màu	05
5.	Máy XQ tăng sáng số hoá xoá nền	01
6.	Máy MWA đốt u phổi	01
7.	Hệ thống thiết bị thực hiện sinh thiết XTN dưới hướng dẫn CT (Kim ST, công O xy, thuốc hỗ trợ, VT tiêu hoa khác ...)	01
8.	Máy thở xâm nhập	01
9.	Máy thở không xâm nhập	01
10.	Máy theo dõi Monitor	01
11.	Bộ dụng cụ đặt NKQ	02

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
12.	Bộ dụng cụ đặt Catheter TMTT	02
13.	Mô hình cấp cứu ngừng tuần hoàn	02
14.	Máy sốc điện	01
15.	Giường HSCC điện đa năng	11
16.	Giường đa năng 3 tư thế	112
17.	Máy theo dõi bệnh nhân (Monitoring)	27
18.	Máy phá rung tim	2
19.	Máy đo độ bão hòa oxy	5
20.	Máy thở moni cipap	4
21.	Máy làm ấm dịch truyền	14
22.	Máy siêu âm Doppler	1
23.	Máy điện tim	3
24.	Máy thở chức năng cao	10
25.	Hệ thống oxy ngâm + Hệ thống hút áp lực âm	01
26.	Mô hình cao su: ép tim ngoài lồng ngực....	01
27.	Phòng kỹ thuật vi thể	01
28.	Phòng hóa mô miễn dịch	01
29.	Phòng sinh học phân tử	01
30.	Phòng nhận bệnh phẩm	01
31.	Phòng phẫu tích bệnh phẩm	01
32.	Phòng chọc hút kim nhỏ (FNA)	01
33.	Máy cắt tiêu bản	02
34.	Máy đúc bệnh phẩm	02
35.	Hệ thống máy xử lý mô tự động	02
36.	Kính hiển vi 2 mắt Olympus	06
37.	Máy nhuộm HMMD tự động	02
38.	Máy Realtime PCR	01
39.	Máy nhuộm lam tự động	01
40.	Máy phân tích huyết học tự động XN1000i	1
41.	Máy phân tích đông máu tự động CS1600	1

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
42.	Máy máu lắng	1
43.	Máy lắc tiêu cầu	1
44.	Tủ lạnh bảo quản máu	2
45.	Máy li tâm	2
46.	Kính hiển vi quang học	2
47.	Máy đếm phân loại bạch cầu	2
48.	Máy đo chức năng hô hấp KOKO	01
49.	Máy đo chức năng hô hấp Sipro Lab III	02
50.	Máy đo chức năng hô hấp HI 801	01
51.	Máy đo thể tích khí thân (Body box)	01
52.	Máy đo dao động xung ký IOS	01
53.	Máy đo dao động xung ký FOT	01
54.	Máy vỗ rung lồng ngực Hill room	01
55.	Xe đạp tập thể lực	09
56.	Máy chạy bộ thảm lăn (Tread mill)	03
57.	Dàn tập đa năng	01
58.	Đèn hồng ngoại	05
59.	Ghế tập cơ tứ đầu đùi	02
60.	Thang tường	01
61.	Tạ tập các loại	10
62.	Thiết bị tập kéo dẫn	04
63.	Thiết bị tập cơ căng tay	02
64.	Thiết bị đo lực cơ tay	02
65.	Thiết bị đo bão hòa oxy có kết nối máy tính	01
66.	Giường đa chức năng	07
67.	Máy điện xung trị liệu	01
68.	Máy siêu âm kết hợp với điện phân thuốc	01
69.	Dụng cụ tập thở với bóng Siproball...	05
70.	Máy truyền dịch	01
71.	Bơm tiêm điện	01

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
72.	Giường đa năng 1 tay quay	36
73.	Ma-nơ-canh mô phỏng hô hấp, tuần hoàn	01
74.	Bộ đèn đặt NKQ có màn hình	01
75.	Mô hình hồi sinh tim phổi	01
76.	Bóng Ambu và mặt nạ	01
77.	Xe tiêm/ xe thủ thuật	03
78.	Máy hút áp lực cao	01
79.	Máy hút áp lực thấp	01
80.	Máy monitor	01
81.	Máy truyền dịch	01
82.	Máy bơm tiêm điện	01
83.	Hệ thống oxy trung tâm/ bình oxy 5, 10 lít	01
84.	Bình làm ấm oxy	01
85.	Máy khí dung	01
86.	Máy điện tim	01
87.	Hệ thống nội soi màng phổi của hãng Olympus	01
88.	Hệ thống nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán NBI của hãng Olympus	01
89.	Hệ thống nội soi phế quản ống mềm huỳnh quang của hãng KARL STORZ	01
90.	Hệ thống nội soi phế quản ống mềm , nguồn cắt đốt PSD 30 của hãng Olympus, dụng cụ cắt đốt , nguồn áp lạnh của hãng ERBE	01
91.	Mô hình nội soi phế quản bằng cao su	01
92.	Máy sinh hoá tự động Au 400	2
93.	Máy sinh hoá tự động Au680	1
94.	Dàn Sinh Hóa Miễn dịch Cobas 6000	1
95.	Máy miễn dịch architect i2000	1
96.	Máy tổng phân tích nước tiểu	2
97.	Máy ly tâm	04
98.	Máy chiếu	01
99.	Máy phân tích khí máu	03
100.	Máy điện giải đồ	02

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2021

PHỤ LỤC 4

**Danh sách các khoa/phòng/trung tâm tổ chức thực hành
và số giường bệnh tại mỗi khoa/phòng/trung tâm**

(Kèm theo Công văn số: 2403/BVPTU-TTĐT&CDT, ngày 07 tháng 10 năm 2021)

STT	Khoa/Phòng/Trung tâm	Số giường
I. Khối Lâm sàng		
1.	Khoa Cấp cứu	10
2.	Khoa Hồi sức tích cực	20
3.	Khoa Lao hô hấp	80
4.	Khoa Nội tổng hợp	80
5.	Khoa Nhi	20
6.	Khoa Hô hấp	50
7.	Khoa Bệnh phổi mạn tính	40
8.	Khoa Bệnh phổi nghề nghiệp	35
9.	Khoa Ung bướu	80
10.	Khoa Thẩm dò và Phục hồi chức năng	10
11.	Khoa Phẫu thuật lồng ngực	75
12.	Khoa Ngoại tổng hợp	40
13.	Khoa Gây mê hồi sức	15
14.	Trung tâm Ghép phổi	15
15.	Trung tâm Điều trị theo yêu cầu công nghệ cao (CNC)	45
16.	Khoa Nội soi chẩn đoán và can thiệp	-
17.	Khoa Dinh dưỡng và Tiết chế	-
	Tổng số	615
II. Khối Cận lâm sàng		
18.	Khoa Vi sinh và Labo Lao chuẩn Quốc gia	-
19.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	-
20.	Khoa Dược	-
21.	Khoa Giải phẫu bệnh	-
22.	Khoa Hóa sinh miễn dịch	-
23.	Khoa Huyết học truyền máu	-
24.	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	-